

TIỂU SỬ CỦA MACHIG ONGJO

LỜI MỞ ĐẦU

Ở đây chúng ta có một kiểu mẫu rất đáng lưu ý về cách một tiểu sử linh thánh có thể được sử dụng như một cỗ xe để chuyên chở các giáo lý. Trong tiểu sử này câu chuyện thực sự của đời bà chỉ là một bộ khung trên đó treo một bài thuyết trình về Sáu Ba la mật. Người ta có thể hỏi tại sao nó không đầy đủ để ban một giáo lý trung thực về Sáu Ba la mật. Câu hỏi này bao gồm điểm then chốt của tiểu sử linh thánh. Khi các giáo lý được kết hợp thành một tiểu truyện về cuộc đời như những thành tựu thứ bậc được một hành giả thâm hoạch thì bất thành linh chúng hồi sinh. Chúng không còn là những đức hạnh có tính chất lý thuyết mà ta có thể phát triển nhưng ta được dẫn vào một cách thể mà người nào khác thực sự đã sống những sự “toàn thiện” (ba la mật) này. Lý thuyết được đưa vào thực tế. Việc sử dụng sự trích dẫn trực tiếp làm nổi bật phương sách này và làm cho chủ đề tiềm tàng khô khan thậm chí còn gần gũi hơn nữa.

Câu chuyện này là từ *bDem.mchog mkha.'gro sNyen.rgyud* được Byang.chub bZang.po biên soạn vào khoảng thế kỷ thứ mười sáu. Nó được tìm thấy ở tu viện của Abo Rinpoche tại Manali, Ấn Độ. Bản văn là một tái bản của một bản văn hiếm có được tái bản ở New Delhi năm 1983. Quyển sách là một tài liệu biên soạn những giáo huấn truyền khẩu được truyền dạy bởi những Đạo sư lúc ban đầu của dòng Kargyu. Đó là một tiểu sử tương tự tiểu sử của Machig Ongjo trong *Biên niên sử Xanh*, nhưng thậm chí nó còn vắn tắt hơn bản này. Hình như bà ra đời không lâu sau ngài Rechung, đệ tử nổi tiếng của Milarepa và là một vị trì giữ dòng truyền thừa trong dòng Kagyu này trong thế kỷ mười hai.

TIỂU SỬ CỦA MACHIG ONGJO (THẾ KỶ MUỖI HAI)

Phần 1 Tiểu sử

Machig Ongjo sinh tại Tsang trong miền Yug. Trong gia đình của thân phụ bà có một trăm thế hệ Bồ Tát.

Thân phụ của bà gọi bà là Ongjo. Khi còn trẻ, bà có niềm tin và lòng sùng mộ to lớn. Bà thích cầu nguyện và cảm thấy buồn bã khi nhìn thấy nỗi đau khổ trong thế giới. Bà tinh tấn và chăm chú lắng nghe bất kỳ khi nào giáo lý được ban tặng. Bà nghe và hiểu tất cả mọi điều được nói ra. Vị Thầy của bà là Gyalwa Kyang Tsangpa, một đệ tử của Rechung Dorje Dragpa. Ngay khi bà gặp ngài, bà có niềm tin to lớn nơi ngài. Khi nhìn thấy niềm tin và lòng sùng mộ của bà, ngài nhận bà làm đệ tử và ban cho bà những giáo lý thì thâm-bên tai bí mật, là giáo lý được một guru ban cho người sẽ trì giữ dòng truyền thừa của ông. Trong trường hợp này dòng truyền được truyền từ Marpa qua Milarepa tới Rechungpa tới Kyung Tsangpa và sau đó tới Machig Ongjo. Bà trải phần lớn đời mình trong ẩn thất và tịnh hoá mọi nghiệp tiêu cực của mình.¹ Sau đó sự thiên định của bà trở nên rõ ràng và bà đạt được nhiều thành tựu.

Phần 2 Những thành tựu

Bà trở nên thành tựu (yon-then) trong: sự bố thí, trì giới, nhẫn nhục, khả năng giữ tâm bà trên con đường và không phí phạm thời giờ, khả năng giữ tâm an định, và sự chứng ngộ rằng không có thực thể nào có một bản tánh riêng hay bản ngã. Thành tựu sau cùng này được chứng ngộ nhờ việc sử dụng năng lực “Trí tuệ Sâu xa Vô Thủy.”²

Những thành tựu của Machig Ongjo

Bố thí (Dana)

Trước hết bà cúng dường mọi vật sở hữu cá nhân của bà cho guru. Khi ngài hỏi bà là có phải sau này bà không cần tới của cải này nữa thì bà trả lời: “Ngài là guru của con và hiện thân của Đức Phật. Con hoàn toàn tin tưởng nơi ngài. Tất cả những vật này đều vô thường và không có thực chất. Con không dính mắc vào chúng. Những giáo lý của Đức Phật thì quý báu hơn của cải này nhiều. Sẽ không có ý nghĩa gì khi thực hành giáo lý của Đức Phật mà đồng thời lại bám chấp vào vật chất. Giờ chết thì không xác định được. Tốt hơn là đừng trì hoãn mà hãy thực hành giáo lý ngay bây giờ.”

Trì Giới (Sila)

Trong ẩn thất Ga Gong bà đạt được thành tựu thứ hai. Ở đây bà là thủ lĩnh của tất cả các tu sĩ và ni cô. Có lần tại một tiệc cúng dường bà nói với các đệ tử: “Ta từng tích tập công đức³ trong nhiều đời, và nhờ lý do này ta có thể gặp được guru vĩ đại của ta. Ta đã có được thân người quý báu và không phí phạm thân này. Ta đã dùng nó để thực hành Pháp. Ta đã giữ gìn các giới nguyện, vì thế cho dù có chết ngay bây giờ ta cũng sẽ không hối tiếc.”

Nhẫn nhục (kShanti)

Ở Ngo.pa Na Shugpa bà đề cập tới sự nhẫn nhục. Bà nói: “Pháp tánh (Dharmata) thì thanh tịnh như bầu trời. Tâm thức tự nó thì quang minh và không ô nhiễm. Gốc rễ của bản ngã không nối kết với trạng thái tự nhiên. Đây là sự thấu suốt kiên cố của ta về những giáo huấn cốt tuỷ. Đây là viên ngọc của dòng thâm thì-bên tai.⁴ Ta đã thoát khỏi mọi nghi ngờ nhờ sự truyền dạy của những giáo lý này. Ta không lãng phí thời giờ và đã thấu hiểu mọi sự.”

Tinh tấn (Virya)

Khi ở Bul Ngag bà thực hành bốn thời thiền định một ngày về thực hành quán tưởng, và thân, khẩu, ý thế tục của bà trở thành thân, khẩu và ý được chuyển hoá và tịnh hoá của Bốn Tôn được quán tưởng. Bà nói về thời kỳ này: “Khi ta thực hành thiền định với prana và nadis,⁵ tâm ta không lang thang. Ta đã chứng ngộ Đại Lạc của trạng thái tự nhiên bất nhiễm. Hiểu rõ điều này, tâm ta lưu chuyển như nước chảy.”

Thiền định

Khi bà ở trong ẩn thất tại Dzarana, bà nói: “Hiểu rõ bản chất của bốn tâm ta, bất kỳ tư tưởng lan man nào xuất hiện ta không xao lãng và vẫn an trụ trong một trạng thái của sự tỉnh giác.”

Trí tuệ Sâu xa (Bát Nhã)

Khi bà ở Kyung Tsang, bà nói: “Tác nhân phân biệt của mọi hiện tượng là tánh Không. Sự giải thoát tự nhiên là Đại Lạc tự thân. Nó là Pháp Thân, vô thuỷ, siêu vượt danh xưng và ngôn từ. Ta thấu suốt điều này chỉ nhờ vào lòng nhân từ của guru. Trạng thái tự nhiên, tính tự sinh, tự nó xuất hiện. Đây là sự hỉ lạc của việc thấu biết bản thân ta thì không tách biệt.”

Đây là sự trình bày ngắn gọn về những thành tựu và chứng ngộ của Machig Ongjo.

CHÚ THÍCH

1. Những kết quả của những hành động xảy ra tự nhiên trong một trạng thái của sự vô minh, khi ta hành động và phản ứng một cách liên tục và bất giác. Những nguyên nhân dẫn tới các kết quả, mọi hành động có một phản ứng tương đương giống như trong vật lý học, nhưng nếu chúng ta ngừng việc tạo nên những hành động hấp tấp thì khi đó chúng ta có thể bắt đầu làm việc với mọi xung lực và “những dấu vết nghiệp” đã xây dựng trong chúng ta. Trong ẩn thất chúng ta không chỉ tránh xa thế giới là nơi ta tạo tác quá nhiều nghiệp vô minh, nhưng ta cũng có thời gian để áp dụng những phương pháp hiệu quả trong việc quét sạch những dấu vết nghiệp mà chúng ta in sâu vào tâm thức ta.
2. sKye.med Shes.rab: theo nghĩa đen skye med có nghĩa là “vô sanh.” Điều này biểu thị rằng một Prajna, trí tuệ, thì nằm ngoài sự hiện hữu được quy định. Bởi cái gì có sinh ra thì cũng sẽ chết đi, và cái gì “không sinh” thì do đó không nằm trong những giới hạn này. Bởi “cái gì không có sự bắt đầu” thì cũng khác biệt với sự vĩnh cửu, vì vĩnh cửu cũng biểu thị cho cái gì nằm trong những giới hạn nào đó.
3. Sự tích tập công đức: xem chú thích 33 trong tiểu sử của Nangsa Obum.
4. Dòng thì thầm-bên tai: dòng Kagyu.
5. Tsa.rlung: những kinh mạch vi tế và năng lực được kiểm soát nhờ những thực hành du già.

(Trích từ “Những Phụ nữ Trí tuệ”. Nguyên tác “Women of Wisdom” by Tsultrim Allione.

Bản dịch Việt ngữ của Liên Hoa)